TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2022/HSST
Ngày: 09/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ÔNG LÊ VĂN XÔ.
Các Hội thẩm nhân dân.
ÔNG LA MINH CÔNG.
ÔNG HOÀNG VĂN TÂM.

Thư ký phiên tòa: BÀ NGUYỄN THỊ THANH NHI – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: ÔNG TRẦN DUY NGUYÊN – kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 107/2022/HSST ngày 03/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2022/QĐXXST-HS ngày 23/11/2022 đối với bị cáo.

1/CHU QUANG T – Sinh năm: 1972, tại Lạng Sơn;
Nơi đăng ký HKTT: 88 Nguyễn Du, phường X, thành phố Y, tỉnh Lạng Sơn.
Chổ ở hiện nay: thôn Z, xã J, huyện H, tỉnh Bình Thuận;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không.
Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán.
Con ông: Chu Thế C - 1933 (chết) và bà: Chu Thị T1 – 1934(chết).
Gia đình có 06 anh, em ruột; lớn nhất sinh năm 1955, nhỏ nhất là bị cáo.
Vợ: Nguyễn Thị Ngọc N – 1985; Vợ chồng có 02 người con; lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019.
Tiền án; tiền sự: không.
Nhân thân: ngày 25/10/2016 bị Công an huyện H ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "đánh bạc".
Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/7/2022 đến 01/8/2022 chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".
Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/PHẠM VĂN H1 – Sinh năm: 1969, tại Bình Thuận;
Nơi đăng ký HKTT: khu phố 4, phường U, thành phố O, tỉnh Bình Thuận.

Chổ ở hiện nay: thôn V, xã Q, huyện R, tỉnh Bình Thuận;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hoá: 8/12; Nghề nghiệp: Buôn bán.

Con ông: Phạm Văn N1 - 1928 (chết) và bà: Phạm Thị L – 1932(chết).

Gia đình có 06 anh, em ruột; lớn nhất sinh năm 1961, nhỏ nhất sinh năm 1971, bị cáo là con thứ năm.

Vợ: Trần Thị Ngọc V – 1973(ly hôn); Vợ chồng có 02 người con; lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2000. Hiện bị cáo đang sống

Tiền án; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/7/2022 đến 01/8/2022 chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/NGUYỄN THỊ THU T1 – Sinh năm: 1983, tại Bình Thuận;

Nơi đăng ký HKTT và chổ ở hiện nay: thôn F, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hoá: 8/12; Nghề nghiệp: Buôn bán.

Con ông: Nguyễn Ngọc L1 - 1956 (chết) và bà: Nguyễn Thị A – 1956.

Gia đình có 03 anh, em ruột; lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1987, bị cáo là con thứ hai.

Chồng: Võ Chí P – 1983(ly hôn); Vợ chồng có 01 người con sinh năm 2008.

Tiền án; tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 28/9/2020 bị TAND huyện H, tỉnh Bình Thuận xử phạt 30.000.000 đồng về tội "Đánh bạc" theo bản án số 80/2020/HSST. Tháng 02/2021, bị cáo đã nộp án phí 200.000 đồng và nộp phạt 30.000.000 đồng. Đến nay, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/7/2022 đến 01/8/2022 chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4/NGUYỄN THỊ Đ – Sinh năm: 1970, tại Bình Thuận;

Nơi đăng ký HKTT và chổ ở hiện nay: thôn F, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hoá: không biết chữ; Nghề nghiệp: Buôn bán.

Con ông: Nguyễn Muống (chết) và bà: Nguyễn Thị Lan – 1940.

Gia đình có 05 anh, em ruột; lớn nhất sinh năm 1962, nhỏ nhất sinh năm 1976, bị cáo là con thứ ba.

Chồng: Cao Đ1 – 1966(chết); Vợ chồng có 03 người con; lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1992.

Tiền án; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/7/2022 đến 01/8/2022 chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5/TRẦN THỊ H2 – Sinh năm: 1970, tại Quãng Trị;

Nơi đăng ký HKTT và chổ ở hiện nay: thôn K, xã J, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hoá: 5/12; Nghề nghiệp: Buôn bán.

Con ông: Trần E - (chết) và bà: Nguyễn Thị I – 1942.

Gia đình có 07 anh, em ruột; lớn nhất sinh năm 1963, nhỏ nhất sinh năm 1981, bị cáo là con thứ hai.

Chồng: Phạm D1 – 1964; Vợ chồng có 04 người con: lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2000.

Tiền án; tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án đối với hành vi của bị cáo Chu Quang T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thu T1, Phạm Văn H1, Trần Thị H2 được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 29/7/2022, Phạm Văn H1, Nguyễn Thị Thu T1, Nguyễn Thị Đ và Chu Quang T đến nhà của Trần Thị H2 tại thôn Z, xã J, huyện H, tỉnh Bình Thuận để lấy tiền hàng thanh long. Sau khi lấy tiền hàng xong, Phạm Văn H1, Nguyễn Thị Thu T1, Nguyễn Thị Đ và Chu Quang T cùng rủ nhau chơi đánh bạc dưới hình thức chơi bài tiến lên thua được bằng tiền tại nhà của Trần Thị H2 thì H2 đồng ý, sau đó H2 chỉ bộ bài Tây, mền để H1, T1, Đ và T lấy ra chơi tại bộ bàn ghế ở nhà Trần Thị H2. Cách thức chơi được các đối tượng quy định như sau: mỗi ván người thua chót sẽ chung cho người về nhất 1.000.000 đồng, người về ba sẽ chung cho người về nhì 500.000 đồng. Khi cả nhóm chơi đến khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Công an huyện H bắt quả tang. Tang vật thu giữ bao gồm:

- Tiền Việt Nam đồng thu giữ trên sòng tại vị trí ngồi của các đối tượng như sau: Chu Quang T số tiền là 16.500.000 đồng, Nguyễn Thị Đ số tiền là 13.500.000 đồng, Nguyễn Thị Thu T1 số tiền là 500.000 đồng, Phạm Văn H1 số tiền là 6.000.000 đồng

- Thu giữ 01 bộ bài Tây (loại 52 lá), 01 cái mền;

- Thu giữ các xe mô tô bao gồm: xe mô tô BKS 86B4-563.58; 01 xe mô tô BKS 86B4-591.40 trong cốp xe có số tiền Việt Nam đồng là 19.900.000 đồng; 01 xe mô tô BKS 86B4-317.91 trong cốp xe có số tiền là 38.000.000 đồng; 01 xe mô tô BKS 86B5-129.92.

Quá trình điều tra đã xác định được số tiền mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc như sau:

- Chu Quang T sử dụng 20.000.000 đồng để đánh bạc (trong đó 10.000.000 đồng là tiền T mang theo, còn 10.000.000 đồng là tiền Trần Thị H2 trả tiền hàng thanh long cho T), khi bị bắt quả tang T đang thua 3.500.000 đồng.

- Phạm Văn H1 mang theo 5.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang đang thắng 1.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị Đ mang theo 7.500.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang đang thắng 6.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị Thu T1 mang theo 4.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang đang thua 3.500.000 đồng.

Các bị cáo Chu Quang T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thu T1, Phạm Văn H1 tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bài tiến lên thắng thua được bằng tiền, đây là hình thức đánh bạc nhiều người chơi với nhau, do đó buộc các bị cáo này phải chịu trách nhiệm đối với tổng số tiền đánh bạc là: 20.00.000 đồng (tiền đánh bạc của Chu Quang T) + 5.000.000 đồng (tiền đánh bạc của Phạm Văn H1) + 7.500.000 đồng (tiền đánh bạc của Nguyễn Thị Đ) + 4.000.000 đồng (tiền đánh bạc của Nguyễn Thị Thu T1) = 36.500.000 (Ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

Đối với Trần Thị H2, mặc dù không tham gia đánh bạc, tuy nhiên H2 là chủ nhà, H2 biết rõ các bị cáo T, H1, Đ và T1 đánh bạc thắng thua bằng tiền tại nhà của mình nhưng vẫn đồng ý. Ngoài ra, H2 còn là người cung cấp dụng cụ đánh bạc là 01 bộ bài Tây (loại 52 lá) và 01 cái mền để phục vụ cho việc đánh bạc của các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 04 xe mô tô đã thu giữ bao gồm xe mô tô BKS 86B4-563.58, xe mô tô BKS 86B4-591.40, xe mô tô BKS 86B4-317.91, xe mô tô BKS 86B5-129.92. Quá trình điều tra xác định được các tài sản trên là tài sản của Chu Quang T, Nguyễn Thị Thu T1, Nguyễn Thị Đ và Phạm Văn H1. Đây là phương tiện mà các bị cáo sử dụng để di chuyển hàng ngày, không sử dụng để đánh bạc. Do đó, việc Cơ quan CSĐT Công an huyện H trả lại các tài sản trên cho các chủ sở hữu là có căn cứ.

- 01 (một) bộ bài tây (loại 52 lá) và 01 (một) cái mền, đây là công cụ thực hiện hành vi phạm tội và là vật không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 36.500.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

- Đối với số tiền 19.900.000 đồng thu giữ trong cốp xe mô tô BKS 86B4-591.40 và 38.000.000 đồng thu giữ trong cốp xe mô tô BKS 86B4-317.91. Quá trình điều tra xác định được đây là tài sản của Nguyễn Thị Thu T1 và Nguyễn Thị Đ. Số tiền này là tiền mua bán thanh long, các bị cáo T1 và Đ không sử dụng để đánh bạc. Tuy nhiên, để đảm bảo thi hành án cần thiết phải tiếp tục tạm giữ.

Tại bản cáo trạng số 106/CT-VKSHTN-HS ngày 31/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Chu Quang T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thu T1, Phạm Văn H1, Trần Thị H2 về tội: "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ quyền công tố luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân

dân huyện H giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Chu Quang T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thu T1, Phạm Văn H1, Trần Thị H2.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Chu Quang T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thu T1, Phạm Văn H1, Trần Thị H2, phạm tội: "Đánh bạc".

Áp dụng: khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt:

1/Bị cáo Chu Quang T từ 20.000.000đồng đến 30.000.000đồng.

2/Bị cáo Nguyễn Thị Đ từ 20.000.000đồng đến 30.000.000đồng.

3/Bị cáo Trần Thị H2 từ 20.000.000đồng đến 30.000.000đồng.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H1 từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T1 từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

Vật chứng vụ án:

Áp dụng: Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bài tây (loại 52 lá) và 01 (một) cái mền. Xét thấy đây là công cụ thực hiện hành vi phạm tội và là vật không có giá trị sử dụng. Hiện trạng vật chứng trên theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 08/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Đề nghị: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 36.500.000 đồng. Xét thấy đây là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Hiện số tiền này đã được chuyển vào tài khoản số 39490105462600000 tại Kho bạc nhà nước huyện H theo giấy nộp tiền ngày 08/12/2022.

- Đối với số tiền 19.900.000 đồng thu giữ trong cốp xe mô tô BKS 86B4-591.40 và 38.000.000 đồng thu giữ trong cốp xe mô tô BKS 86B4-317.91. Quá trình điều tra xác định được đây là tài sản của Nguyễn Thị Thu T1 và Nguyễn Thị Đ. Số tiền này là tiền mua bán thanh long, các bị cáo T1 và Đ không sử dụng để đánh bạc. Tuy nhiên, để đảm bảo thi hành án cần thiết phải tiếp tục tạm giữ. Hiện số tiền này đã được chuyển vào tài khoản số 39490105462600000 tại Kho bạc nhà nước huyện H theo giấy nộp tiền ngày 08/12/2022.

Tại phiên tòa các bị cáo thống nhất quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, không tranh luận gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện H, tỉnh Bình Thuận. Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận. Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy trình của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Chu Quang T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thu T1, Phạm Văn H1, Trần Thị H2 khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 29/7/2022 các bị cáo Chu Quang T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thu T1, Phạm Văn H1 đến nhà của Trần Thị H2 để lấy tiền thanh long. Sau khi lấy tiền hàng xong, các bị cáo Chu Quang T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thu T1, Phạm Văn H1 rủ nhau đánh bạc dưới hình thức chơi bài tiến lên thắng thua bằng tiền tại nhà của Trần Thị H2. Trần Thị H2 biết rõ các bị cáo T, Đ, T1 và H1 đánh bạc thắng thua được bằng tiền tại nhà của mình nhưng vẫn đồng ý, đồng thời H2 còn là người cung cấp dụng cụ đánh bạc là 01 bộ bài Tây (loại 52 lá) và 01 cái mền để phục vụ cho việc đánh bạc. Khi các bị cáo chơi đến khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Công an huyện H bắt quả tang cùng với tang vật. Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa đã xác định được số tiền mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc như sau:

- Chu Quang T sử dụng 20.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang T đang thua 3.500.000 đồng.

- Phạm Văn H1 sử dụng 5.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang đang thắng 1.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị Đ sử dụng 7.500.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang đang thắng 6.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị Thu T1 sử dụng 4.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang đang thua 3.500.000 đồng.

Các bị cáo Chu Quang T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thu T1, Phạm Văn H1 tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bài tiến lên thắng thua được bằng tiền, đây là hình thức đánh bạc nhiều người chơi với nhau, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số tiền đánh bạc là: 36.500.000 (Ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng. (20.00.000 đồng tiền đánh bạc của Chu Quang T + 5.000.000 đồng tiền đánh bạc của Phạm Văn H1 + 7.500.000 đồng tiền đánh bạc của Nguyễn Thị Đ + 4.000.000 đồng tiền đánh bạc của Nguyễn Thị Thu T1).

Đối với bị cáo Trần Thị H2, mặc dù không tham gia đánh bạc, nhưng Trần Thị H2 là người cung cấp các dụng cụ, địa điểm để các bị cáo đánh bạc, nên phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm với vai trò là người giúp sức.

Hành vi của bị cáo Chu Quang T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thu T1, Phạm Văn H1, Trần Thị H2 là cố ý, đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Đánh bạc". Tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 như

nội dung cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó các bị cáo Chu Quang T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thu T1 và Phạm Văn H1 là những người thực hành, trực tiếp đánh bạc. Còn Trần Thị H2 là đồng phạm với vai trò là người giúp sức, cung cấp các dụng cụ, địa điểm để các bị cáo đánh bạc.

Các bị cáo là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bản thân các bị cáo nhận thức được việc thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới mọi hình thức thắng thua bằng tiền đều là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm. Thế nhưng, vì hám lợi, các bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, nên đã đánh bạc ăn thua bằng tiền với nhau thì bị bắt quả tang, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, nên cần đưa ra xét xử bị cáo, để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội, góp phần lập lại tình hình trật tự trị an ở địa phương.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như mức độ phạm tội của các bị cáo để có mức hình phạt thích hợp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện ăn năn hối cải, bị cáo T, H1, H2, Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo H1, T1 khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần áp dụng cho các bị cáo.

[3]***Vật chứng của vụ án thu giữ gồm*:**

- Đối với 04 xe mô tô đã thu giữ bao gồm xe mô tô BKS 86B4-563.58, xe mô tô BKS 86B4-591.40, xe mô tô BKS 86B4-317.91, xe mô tô BKS 86B5-129.92. Quá trình điều tra xác định được các tài sản trên là tài sản của Chu Quang T, Nguyễn Thị Thu T1, Nguyễn Thị Đ và Phạm Văn H1. Đây là phương tiện mà các bị cáo sử dụng để di chuyển hàng ngày, không sử dụng để đánh bạc. Cơ quan CSĐT Công an huyện H trả lại các tài sản trên cho các chủ sở hữu. Xét thấy đã xử lý xong.

- 01 (một) bộ bài tây (loại 52 lá) và 01 (một) cái mền. Xét thấy đây là công cụ thực hiện hành vi phạm tội và là vật không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy. Hiện trạng vật chứng trên theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 08/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

- Đối với số tiền 36.500.000 đồng. Xét thấy đây là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Hiện số tiền này đã được chuyển vào tài khoản số 39490105462600000 tại Kho bạc nhà nước huyện H theo giấy nộp tiền ngày 08/12/2022.

- Đối với số tiền 19.900.000 đồng thu giữ trong cốp xe mô tô BKS 86B4-591.40 và 38.000.000 đồng thu giữ trong cốp xe mô tô BKS 86B4-317.91. Quá trình điều tra xác định được đây là tài sản của Nguyễn Thị Thu T1 và Nguyễn Thị Đ. Số tiền này là tiền mua bán thanh long, các bị cáo T1 và Đ không sử dụng để đánh bạc. Tuy nhiên, để đảm bảo thi hành án dân sự cần thiết phải tiếp tục tạm giữ. Hiện số tiền này đã

được chuyển vào tài khoản số 39490105462600000 tại Kho bạc nhà nước huyện H theo giấy nộp tiền ngày 08/12/2022.

[4] ***Về án phí***: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

TUYÊN BỐ: Chu Quang T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thu T1, Phạm Văn H1, Trần Thị H2, phạm tội: "Đánh bạc".

Căn cứ khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015.

XỬ PHẠT:

1/Bị cáo Chu Quang T số tiền 25.000.000đồng(Hai mươi lăm triệu đồng).

2/Bị cáo Nguyễn Thị Đ số tiền 25.000.000đồng(Hai mươi lăm triệu đồng).

3/Bị cáo Trần Thị H2 số tiền 20.000.000đồng(Hai mươi triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 ĐiỀu 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

XỬ PHẠT: Phạm Văn H1 09(Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, thời gian được tính từ ngày tuyên án (09/12/2022).

Giao bị cáo cho UBND xã Q, huyện R, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của luật thi hành án hình sự năm 2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

XỬ PHẠT: Nguyễn Thị Thu T1 12(Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, thời gian được tính từ ngày tuyên án (09/12/2022).

Giao bị cáo cho UBND xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của luật thi hành án hình sự năm 2019.

ÁP DỤNG: Điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 36.500.000 đồng (Ba mươi sáu triệu ngàn năm trăm) đồng. Hiện số tiền này đã được chuyển vào tài khoản số 39490105462600000 tại Kho bạc nhà nước huyện H theo giấy nộp tiền ngày 08/12/2022.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bài tây (loại 52 lá) và 01 (một) cái mền.

Hiện trạng vật chứng trên theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 08/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 19.000.000đồng của Nguyễn Thị Thu T1 và 38.000.000 đồng của Nguyễn Thị Đ để đảm bảo biệc thi hành án dân sự. Hiện số tiền này đã được chuyển vào tài khoản số 39490105462600000 tại Kho bạc nhà nước huyện H theo giấy nộp tiền ngày 08/12/2022.

Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Chu Quang T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thu T1, Phạm Văn H1, Trần Thị H2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/12/2022).

(Đã giải thích chế định hưởng án treo cho bị cáo H1, T1).

Nơi nhận:
- Như Điều 262 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Xô